

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu,
Gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán, máy
móc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa năm 2023 - 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về
quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-
CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc
tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về
đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính về Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy
trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ
trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị -
xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội -
nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y
tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung
cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa tại Tờ trình số 1130/TTr-BVTH ngày 01/11/2023; đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định số 5588/BC-SYT ngày 30/11/2023 về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán, máy móc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa năm 2023 - 2024, kèm theo các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán, máy móc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa năm 2023 - 2024, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán, máy móc sử dụng tại Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa năm 2023 - 2024.

2. Giá gói thầu: 3.691.518.688 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm chín một triệu, năm trăm mười tám nghìn, sáu trăm tám tám đồng*). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.

3. Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2023.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh;

Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{NVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, flowing characters that appear to be 'Đ. Thanh Tùng'.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1		M1	Hóa chất, vật tư dùng cho máy huyết học TC					238.240.000	
	1		Dung dịch pha loãng	Sodium sulfate 12.0g/L (12%) ; Phosphate buffer (1%); Preservative 1.0g/L(1%); Water (86%) Hiệu suất: PH = 7,2 ± 0,2 (25° C ± 1° C); = 18,0 ± 0,5ms/cm (25° C ± 1° C); Osm = 295 ± 10mOsm/Kg; Số hạt đếm ≤ 2,5× 10 ⁵ /L; WBC ≤0.3×10 ⁹ /L; RBC ≤0.05×10 ¹² /L; PLR ≤10×10 ⁹ /L	ml	81	1.200.000	97.200.000	
	2		Dung dịch tách bạch cầu	Cationic surfactant 40.0 g/L (40%); Buffer 0.6g/L(0.6%); Water (59.4%); Sodium chloride; Chất hoạt động bề mặt; Hiệu suất: PH ≥ 9.0 (25° C ± 1° C); Đo trắng: WBC ≤ 0,3 x 10 ⁹ /L; HGB ≤ 2g/L	ml	3.800	20.000	76.000.000	
	3		Dung dịch rửa máy	Disodium hydrogen phosphate 2.0g/L(2%), Sodium chloride 5.14g/L (5.14%), Preservative 1g/L (1%) , Emulsifier 0.3g/L (0.3%), Sodium sulfate 7.3g/L (7.3%); Water (84.26%) Hiệu suất: PH > 8,2 (25° C ± 1° C)	ml	206	300.000	61.800.000	
	4		Dung dịch rửa ống hút mẫu	Sodium hypochlorite; Hiệu suất: PH >11,0 (25° C ± 1° C); WBC ≤0.3×10 ⁹ /L; RBC ≤0.05×10 ¹² /L; PLR ≤10×10 ⁹ /L	ml	16.000	100	1.600.000	
	5		Dung dịch rửa đường ống	Alkaline protease. Chất đệm. Chất hoạt động bề mặt Chất bảo quản. Hiệu suất: PH = 8,4 ± 0,3(25° C ± 1° C); Đo trắng: WBC ≤ 0,5 x 10 ⁹ /L; RBC≤ 0,05x 10 ¹² /L; PLT≤ 10x 10 ⁹ /L; HGB≤ 2g/L	ml	8.200	200	1.640.000	
2		M2	Hóa chất, vật tư dùng cho máy huyết học Drew 3					352.500.000	
	6		Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dùng để xét nghiệm ra kết quả 3 thông số trong thành phần của máu: WBC, RBC, HGB Thành phần: Chất pha loãng: sử dụng để thực hiện pha loãng cần thiết	ml	600	587.500	352.500.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				cho phép đo, đếm và định cỡ. Chất ly giải: Sử dụng cho 3 mục đích khác nhau: Ly giải các tế bào hồng cầu và thực hiện đếm tế bào bạch cầu; Tách bạch cầu thành 3 thành phần riêng biệt; Tạo thành phức hợp cyanmethemoglobin để xác định HGB Dung dịch làm sạch: được sử dụng để làm sạch hệ thống đo lường và mạch chất lỏng.					
3		M3	Hóa chất, vật tư dùng cho hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas E - Roche					38.012.328	
	7		Thuốc thử xét nghiệm	Hoá chất dùng cho hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas E-Roche	Test	51.975	600	31.185.000	
	8		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm	Hoá chất dùng cho hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas E-Roche	ml	263.000	12	3.156.000	
	9		Chất thử chẩn đoán dùng cho máy phân tích miễn dịch	Hoá chất dùng cho hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas E-Roche	ml	305.944	12	3.671.328	
4		M4	Hóa chất, vật tư dùng cho hệ thống xét nghiệm sinh hoá tự động Cobas E - Roche					89.500.000	
	10		Bóng đèn máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn máy sinh hóa điện trở 12V, công suất 50W	Cái	7.650.000	5	38.250.000	
	11		Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng CRP trong huyết thanh và huyết tương người	R1 Đệm TRISa) với albumin huyết thanh bò; chất bảo quản R2 Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP (chuột) trong đệm glycine; globulin miễn dịch (chuột); chất bảo quản a) TRIS = Tris(hydroxymethyl)-aminomethane R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.	Test	16.500	3.000	49.500.000	
	12		Cốc dùng để chứa mẫu, chất hiệu chuẩn cho hệ thống máy sinh hóa, miễn dịch	Cốc dùng để chứa mẫu, chất hiệu chuẩn cho hệ thống máy sinh hóa, miễn dịch	Cái	350	5.000	1.750.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
5		M5	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết Onetouch Verio Hospital						
	13		Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết	Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd). Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. Độ chính xác cao >99% Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt. Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu. Loại mẫu máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL, lấy máu 2 cạnh bên. Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L). Khoảng Hematocrit: 20 - 60%	Test	9.800	3.000	29.400.000	
6		M6	Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết Onetouch Ultra Plus của hãng Lifescan						
	14		Test thử đường huyết sử dụng cho máy thử đường huyết	Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. Độ chính xác cao 99,2% Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt. Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu. Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL, lấy máu 2 cạnh bên. Quét mẫu máu 500 lần trong vòng 5 giây để loại bỏ các yếu tố gây nhiễu gồm oxy, maltose và 56 thành phần thông thường khác. Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L). Khoảng Hematocrit: 20 - 60%	Test	9.000	2.000	18.000.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
7		M7	Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Urometer 720 - Standard Diagnostic/Hàn quốc						
	15		Test nước tiểu 11 thông số	Que thử bằng nhựa có thể có nhiều vùng phủ thuốc thử riêng biệt. Que thử cung cấp xét nghiệm cho máu, bilirubin, urobilinogen, ketone, protein, nitrit, glucose, pH, tỷ trọng nước tiểu, bạch cầu và axit ascorbic trong mẫu nước tiểu. Kết quả xét nghiệm có thể cung cấp thông tin về trạng thái của sự chuyển hóa cacbon hydrat, chức năng gan và thận, cân bằng toan-kiềm và nhiễm trùng đường tiết niệu. Que thử xét nghiệm định tính sinh hoá nước tiểu 11 thông số	Test	6.000	50.000	300.000.000	
8		M8	Trang thiết bị y tế						
	16		Máy điện châm	6 cổng ra; Nguồn điện: DC9V/AC220V hoặc 110V; Cường độ dòng điện tối đa: 10V; Điện áp đầu ra: 0.3VA; Sóng xung đầu ra: Sóng xung hai chiều không đối xứng; Tần số xung: Có thể điều chỉnh trong khoảng 1~100Hz; Tần số xung đầu ra: Liên tục, không liên tục, ngắt quãng	Cái	1.800.000	50	90.000.000	
			Hóa chất dùng chung						
9	17		Bột Chlomin B	Bột trắng, có mùi đặc trưng	kg	180.000	500	90.000.000	
10	18		Parafin rắn	Màu trắng đục, sáp thanh	kg	54.500	1.300	70.850.000	
11	19		Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate 4% (kl/kl) pH nằm trong khoảng 5-8	Lít	128.250	30	3.847.500	
12	20		Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate 2% (kl/kl) pH nằm trong khoảng 5-8	Lít	90.000	40	3.600.000	
13	21		Dung dịch nhuộm soi trực khuẩn lao	Bộ nhuộm dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi trực khuẩn lao	Bộ	1.250.000	3	3.750.000	
14	22		Dung dịch nhuộm	Thành phần là Crystal Violet, Lugol c, Decolor (alcohol-acetone) và Safranin	Bộ	312.190	4	1.248.760	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			Sinh phẩm chẩn đoán						
15	23		Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Cộng hợp vàng: Keo vàng - Protein A; Vạch thử: Kháng nguyên tái tổ hợp HCV (kháng nguyên lõi, NS3, NS4, NS5); Vạch chứng: Kháng thể kháng Immunoglobulin người từ dê. Màng nitrocellulose: 25±5 x 4.5±0.9mm; Thể tích mẫu sử dụng là 10µl; Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.4%.	Test	28.620	500	14.310.000	
16	24		Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue NS1	Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột (0,0623 ± 0,0200 µg), Keo vàng - IgY gà (0,050 ± 0,015 µg). Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab (0,64 ± 0,20µg). Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0,64 ± 0,20µg). Độ nhạy 92,4% (khoảng tin cậy 95%: 86,1 - 95,9%) và độ đặc hiệu 98,4% (khoảng tin cậy 95%: 95,5 - 99,5%) so với RT-PCR. Thể tích mẫu sử dụng: khoảng 100 µl. Các chất chống đông bao gồm herapin, EDTA và citrat không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm.	Test	45.550	500	22.775.000	
17	25		Test nhanh chẩn đoán cúm A, B	Test nhanh chẩn đoán cúm A, B Thành phần: Hộp đựng. Chất pha loãng (Mẫu chất pha loãng). Độ nhạy: > 99%. Độ đặc hiệu: > 99%	Test	84.500	300	25.350.000	
18	26		Khay thử xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu của con người	Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Ketamine, Methamphetamine và Morphine (Panel thử phát hiện AMP/KET/MET/MOP) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng KET, Kháng thể	Test	55.000	1.500	82.500.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				kháng MET, Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MAP-BSA, cộng hợp KET-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA. 1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, KET: Ngưỡng phát hiện (cut off) 1000 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Đọc kết quả tại 5 phút					
19	27		Test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày	Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Phát hiện kháng thể kháng H.pylori. Độ nhạy tương quan: 94.88% , độ đặc hiệu tương: 95.38%, Độ chính xác: 95,21%. Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng IgG người (0,16 µg. Vạch kết quả: Kháng nguyên H.pylori (0,2 µg). Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,88 µg)	Test	16.850	4.000	67.400.000	
20	28		Test nhanh chẩn đoán phát hiện IgM kháng Enterovirus 71	Phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71 là một trong các nguyên nhân gây bệnh chân-tay-miệng. Thử tích mẫu sử dụng: 5µl huyết thanh hoặc huyết tương; Độ nhạy: 98.1%, Độ đặc hiệu: 99.1% so với RT-PCR. Giới hạn phát hiện độ pha loãng 1/128. Không có phản ứng chéo với huyết thanh bệnh nhân chứa Echovirus, Poliovirus, Pan-enterovirus, Adenovirus, Cytomegalovirus, Herpes simplex virus, Influenza virus, Parainfluenza virus.	Test	66.600	300	19.980.000	
			Vật tư y tế						
21	29		Bông mỡ cuộn	Bông mỡ dạng cuộn. Rộng: $\geq 0,1m$. Dài: $\geq 2m$	Cuộn	15.500	800	12.400.000	
22	30		Sond thông tiểu 1 nhánh số 10FG	Làm bằng cao su thiên nhiên, tráng silicon	Cái	15.000	650	9.750.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
23	31		Gen bôi trơn	Gel bôi trơn hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thụt rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng	Tuýp	51.000	100	5.100.000	
24	32		Dầu paraffin	Dạng lỏng không màu, trong suốt, không mùi Công thức hoá học: C_nH_{2n+2} trong đó $n > 2$	ml	76	40.000	3.040.000	
25	33		Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 3/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khô nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	Sợi	80.000	200	16.000.000	
26	34		Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 4/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 4/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khô nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	Sợi	96.500	400	38.600.000	
27	35		Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 1, kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp số 1, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 30 mm	Sợi	25.000	350	8.750.000	
28	36		Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0	Chỉ không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 5/0 dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8, dài 16mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	Sợi	20.850	550	11.467.500	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
29	37		Chỉ khâu nhãn khoa 9/0; 10/0	Chỉ khâu phẫu thuật mắt liền kim số 9/0; 10/0, có 2 kim Chỉ không tiêu. Đường kính 0,15mm; Chiều dài chỉ $\geq$ 30cm; Chiều dài kim 6,0mm; 3/8 đường tròn. Đóng gói vô trùng	Sợi	115.000	120	13.800.000	
30	38		Bơm tiêm Insulin 1ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16" Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt	Cái	1.150	25.000	28.750.000	
31	39		Đầu côn vàng 200 ul	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	Cái	38	10.000	380.000	
32	40		Dây dẫn lưu silicon vô trùng	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài $\geq$ 396mm. Tiệt trùng.	Cái	10.000	200	2.000.000	
33	41		Dây Garô (dây thắt mạch)	Thắt mạch cố định giúp cầm máu vết thương	Cái	1.970	70	137.900	
34	42		Giấy in nhiệt siêu âm	Giấy in nhiệt để in kết quả siêu âm. Rộng: 110mm. Dài: $\geq$ 20m.	Cuộn	84.500	500	42.250.000	
35	43		Giấy monitor sản khoa	Giấy siêu âm sản khoa 152mm*150mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt. Số lượng $\geq$ 200 tờ/ tập.	Tập	65.000	20	1.300.000	
36	44		Lưỡi dao mổ	Chất liệu được làm từ thép carbon với công nghệ sản xuất hiện đại. Lưỡi dao cực kỳ sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. Lưỡi dao đã được tiệt trùng. Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23.	Cái	1.000	2.800	2.800.000	
37	45		Phim X-quang nha khoa rửa nhanh	Phim X-quang dùng trong nha khoa, có dính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim. Kích thước phim: 30.5x40.5	Tờ	650.000	1.000	650.000.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
38	46		Kim luân tĩnh mạch an toàn các cỡ	Kim có đầu bảo vệ an toàn bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn vát chéo tự động bịt đầu kim. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. Ống catheter có 4 vạch cản quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Có lỗ mở trên thân kim và đốc kim trong suốt. Màng lọc kỵ nước (hydrophobic). Cổng tiêm có van silicon 1 chiều, nắp cho phép đóng/mở. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. Kim có cánh có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy dạng bật dễ dàng. Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven, màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Các số 14G, 16G, 18G, 20G, 22G, 24G; 26 Khử trùng. Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ.	Cái	13.870	15.000	208.050.000	
39	47		Kim luân tĩnh mạch kèm băng dính	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. Ống catheter làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. Kim có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven .	Cái	3.250	7.000	22.750.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				Khử trùng. Thời gian lưu kim 96 giờ. 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min. 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min. 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min. 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min.					
40	48		Băng keo cá nhân	Sợi vải đàn hồi 60mm x 19mm. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Gạc thấm hút tốt, mềm, có lớp màng không dính vào vết thương, tẩm benzalkonium chloride.	Cái	420	60.000	25.200.000	
41	49		Túi camera vô trùng	Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 60 cm Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da. Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.	Cái	6.858	1.000	6.858.000	
42	50		Thông tiêu 2 nhánh phủ silicone các số từ 18 - 24.	Chất liệu cao su thiên nhiên Bóng dung tích 30cc Chiều dài 40cm	Cái	10.500	1.400	14.700.000	
43	51		Kim cánh bướm	Kim có đầu an toàn bật ra bật đầu kim khi rút kim ra. Cánh chống trượt, mặt trái có nhiều gờ nhám Đầu kim được phủ silicon. Dây nối cấu tạo từ chất liệu nhựa Polyvinylchloride, không DEHP, đầu nối vặn xoắn. Đường kính ngoài của dây 2,4mm, đường kính trong 1,35mm. Kim làm bằng thép không gỉ. Các cỡ kim 21G; 23G; 25G Sản phẩm đóng gói vô trùng	Cái	5.000	50.000	250.000.000	
44	52		Lam kính	Lam kính có bám dính tích điện dương, cạnh mài 90°, có vùng ghi nhãn màu trắng	Cái	310	3.000	930.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
45	53		Huyết áp đồng hồ	Đo huyết áp thông thường. Bao gồm đồng hồ, bóng bóp, túi hơi và tai nghe 2 mặt	Cái	470.000	30	14.100.000	
46	54		Ống nghe hai tai	Ống nghe tim phổi bao gồm chuông nghe và màng nghe Ống chữ Y nhựa P.V.C.	Cái	170.000	30	5.100.000	
47	55		Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, khuôn nhựa định hình thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có khuôn nhựa tạo lỗ có thể luồn ống nội khí quản	Cái	169.000	50	8.450.000	
48	56		Bộ phụ kiện máy khí dung	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt, không chứa độc tố DEHP. Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung. Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m. Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. Bao gồm mặt nạ, khí dung, ống oxy, thất lưng đàn hồi, nhôm flake và kết nối. Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng một sương mù hít vào phổi. Tiệt trùng. Gồm các size : S, M, L, XL	Cái	18.000	1.000	18.000.000	
49	57		Bóng đèn mờ 24V-25W	Bóng đèn mờ 24V-25W	Cái	60.000	30	1.800.000	
50	58		Gạc phẫu thuật ổ bụng	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40 cm x 8 lớp. Đóng gói bằng túi giấy y tế chuyên dụng có tem chỉ thị màu để phân biệt độ tiệt trùng của sản phẩm. Tiệt trùng; Không có hóa chất tẩy trắng; Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: Không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. .	Miếng	9.000	5.000	45.000.000	
51	59		Ống đặt nội khí quản có bóng	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt	Cái	15.000	200	3.000.000	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				trùng . Các cỡ 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5					
52	60		Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	Cái	4.500	300	1.350.000	
53	61		Điện cực tim	Điện cực tim tự dính, không tiết trùng, dùng một lần. Thiết kế nhỏ gọn. Điện cực có một mặt gel dẫn điện, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối bằng kim loại dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Nền foam kháng nước. Nền Gel dính keo dẫn điện an toàn, có độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đồ mồ hôi, và hạn chế tối đa kích ứng da cho người bệnh.	Cái	2.000	6.000	12.000.000	
54	62		Bao cao su	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng có màu sắc tự nhiên, co giãn tốt	Cái	748	1.000	748.000	
55	63		Khóa 3 chạc	Khóa 3 chạc có dây dài 10cm -75cm	Cái	7.000	600	4.200.000	
56	64		Kim châm cứu vô trùng dùng một lần	Kim có cán đồng có khuyên, thân kim làm bằng thép, dẫn điện tốt. Được đóng gói vô trùng. Kích thước: 0,3mmx13mm; 0,3mmx25mm; 0,3mmx40mm; 0,3mmx50mm; 0,3mmx60mm; 0,3mmx75mm; 0,25mmx25mm; 0,25mmx40mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx75mm	Cái	399	1.200.000	478.800.000	
57	65		Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid	Chỉ tiêu đa sợi tổng hợp số 1 Thành phần: Polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate dài 90cm, kim tròn đầu tròn, dài 40mm, độ cong 1/2C. Kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicone. Tan hoàn toàn sau 60 - 90 ngày.	Tép	69.789	1.300	90.725.700	

STT phần	STT mặt hàng	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc mô tả hàng hóa làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
58	66		Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid	Chỉ tiêu đa sợi tổng hợp số 2 Thành phần polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, dài 90cm, kim tròn đầu cắt, dài 48mm, độ cong 1/2C. Kim được làm bằng thép không gỉ, phủ silicone. Tan hoàn toàn 60 - 90 ngày.	Tép	89.960	800	71.968.000	
			Tổng: 58 phần (66 mặt hàng)					3.691.518.688	